TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUÂN LỘC** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **18**/2025/HNGĐ-ST
Ngày 19-02-2025
V/v: Ly hôn và tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Huệ**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Lương Khoa.**

Bà **Trần Thị Kim Tân.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đỗ Văn Thiêm -** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Diến** - Kiểm sát viên.

Ngày 19/02/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 745/2024/TLST-HNGĐ ngày 05/11/2024 về ly hôn và tranh chấp nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/01/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2025/QĐST-HNGĐ ngày 22/01/2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Nguyễn Thị Tuyết N,** sinh năm 1984 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn*: Anh **Trần Thanh D,** sinh năm: 1982 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 31/10/2024, trong quá trình làm việc, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tuyết N trình bày: Vào năm 2007, chị và anh Trần Thanh D tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng hay cãi nhau. Anh Dũng không quan tâm đến vợ con, có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, chị đã khuyên bảo nhiều lần nhưng vẫn không thay đổi. Anh chị không còn sống chung với nhau từ tháng 3/2022 cho đến nay. Nay chị không còn tình cảm với anh D, do đó yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên Trần Minh N1, sinh ngày 10/8/2001 và Trần Minh Đ, sinh ngày 19/03/2010. Hiện nay các con chung đang sống cùng với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu N1 đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

* Trong quá trình làm việc bị đơn anh Trần Thanh D đã được Tòa án triệu tập hợp Nhi nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, vì vậy không có lời trình bày.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc:

Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo đúng quy định pháp luật về tố tụng. Nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng, bị đơn không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N, chị N được ly hôn với anh D; Về con chung: Giao con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động; Chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết; Tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tư cách tham gia tố tụng: Chị Nguyễn Thị Tuyết N có đơn khởi kiện ly hôn với anh Trần Thanh D, do đó xác định chị N là nguyên đơn, anh D là bị đơn.

[2] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Tuyết N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Trần Thanh D đã được triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, tiến hành xét xử vắng mặt chị N, anh D là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Tuyết N và anh Trần Thanh D tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau năm 2007 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai, do đó quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4] Theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

"Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm

vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được".

Xét yêu cầu của nguyên đơn nhận thấy: Chị N cho rằng, nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng hay cãi nhau. Cuộc sống chung vợ chồng anh chị không hạnh phúc. Anh chị không còn sống chung với nhau từ tháng 3/2022 cho đến nay. Anh Dũng đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần để làm việc, anh D biết việc ly hôn nhưng vẫn vắng mặt không lý do, cho thấy anh D không có thiện chí trong việc hòa giải đoàn tụ vợ chồng. Hơn nữa, theo kết quả xác minh tình trạng hôn nhân của anh chị tại địa phương cho thấy hiện nay anh D vẫn cư trú tại địa phương, tuy nhiên anh chị không còn sống chung với nhau. Như vậy, chứng tỏ trong cuộc sống hôn nhân giữa chị N và anh D đã xảy ra mâu thuẫn. Hiện nay, anh chị bỏ mặc không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, không còn thực hiện quyền, nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định pháp luật, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Tuyết N là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Chị N yêu cầu nuôi con chung khi ly hôn, anh D vắng mặt không có lời khai, nên không thể hiện nguyện vọng về con chung. Xét thấy, hiện nay con chung chung đang do chị N trực tiếp nuôi dưỡng, hơn nữa cháu Đ có nguyện vọng được sống với mẹ, do đó tiếp tục giao con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con nên không xét, anh D vắng mặt nên không có lời trình bày, nên không giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Chị N trình bày không có, anh D không có lời khai, nên không xem xét giải quyết.

[7] Về nợ chung: Chị N trình bày không có, anh D không có lời khai, nên không giải quyết.

[8] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Tuyết N phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[9] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận .

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 9, 11 của Luật Hôn và nhân gia đình năm 2000; Điều 131, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về Án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Tuyết N ly hôn anh Trần Thanh D.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Minh Đ, sinh ngày 19/03/2010 cho chị Nguyễn Thị Tuyết N trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

Anh Dũng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung được pháp luật bảo vệ.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Tuyết N phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0011660 ngày 31/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc được chuyển thành án phí.

Chị Nguyễn Thị Tuyết N, anh Trần Thanh D được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Đồng Nai;*
- *VKSND H.Xuân Lộc;*
- *CCTHADS H.Xuân Lộc;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã nơi kết hôn;*
- *Lưu án văn, hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Huệ